

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/10/2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG : không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/9/2018 về việc “ Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-ST ngày 03/10/2018; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 510/TB-TA ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H , sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 46, ngõ 102, đường HQ , TP. BG , tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang làm việc tại Nhật Bản.

(Chị H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án)

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Hoàng Thị D , sinh năm 1955. Địa chỉ: Số nhà 46, ngõ 102, đường HQ , phường HVT , thành phố BG , tỉnh Bắc Giang .

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn R , xã ĐG , huyện LN , tỉnh Bắc Giang .

(Anh T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 13/8/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 04/03/2016 tại UBND phường HVT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình nhà chồng.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 10/2/2017 thì chị đi du học tại Nhật Bản. Thời gian đầu sang Nhật Bản chị thường xuyên gọi điện về hỏi thăm chồng, sau đó ít dần nguyên nhân là do chị và anh T sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Sau đó thì chị và anh T ít khi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn T được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T. Chị cũng ủy quyền cho mẹ là bà Hoàng Thị D, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 46, ngõ 102, đường HQ, phường HVT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị được biết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Anh và chị H kết hôn ngày 04/03/2016 tại UBND phường HVT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị H về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình nhà chồng.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 10/2/2017 thì chị H đi du học tại Nhật Bản. Thời gian đầu sang Nhật Bản thì anh và chị H thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhau, sau đó ít dần nguyên nhân là do chị H và anh sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Sau này thì anh và chị H ít khi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh.

Tại phiên tòa chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị H, Bản tự khai của anh T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn R, xã ĐG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/03/2016 tại UBND phường HVT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 10/2/2017 thì chị H đi du học tại Nhật Bản. Khi mới sang Nhật Bản chị H thường xuyên gọi điện về hỏi thăm chồng, sau đó ít dần nguyên nhân là do chị và anh T sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Sau đó thì chị

và anh T ít khi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07491 ngày 10/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Thu H cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường HVT;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

